

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày 24-6-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Cư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Hồng Kiệt.
2. Ông Trần Chí Thanh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Công Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 24-6-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Bùi Văn S, sinh năm 1948.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn S là anh Lê Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Theo giấy ủy quyền số công chứng 3814, quyền số 01/2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2020) (có mặt).

2. Bị đơn: ông Trương Văn H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Lê Văn T trình bày: vào năm 2011, ông S cho ông H vay, cụ thể như sau:

+ Vào ngày 11-4-2011 (âm lịch), ông H vay 30.000.000đồng. Tiếp vào ngày 14-4-2011 (âm lịch), ông H vay thêm 30.000.000đồng để sử dụng mục đích mua phân bón, thuốc trừ sâu canh tác trồng lúa. Cộng hai lần vay là 60.000.000đồng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 6%/tháng khi đó có viết biên nhận đề ngày 14-4-2011 (âm lịch).

+ Vào ngày 19-4-2011 (âm lịch), ông H vay thêm 20.000.000đồng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 6%/tháng, có viết biên nhận đề ngày 19-4-2011 (âm lịch). Ngoài ra, ngày 20-4-2011 ông H có hỏi vay 05 chỉ vàng 24 kara 9999, có ký nhận nợ tại góc trái phía dưới của biên nhận.

Ông H đóng lãi đầy đủ từ khi vay cho đến cuối năm 2011 và trả được 05 chỉ vàng cho ông S. Nhưng từ năm 2012 cho đến năm 2016 thì ông H không đóng lãi cũng không trả tiền vay gốc nên vào ngày 26-02-2016 ông S có đến hỏi đòi nợ thì ông H có ký vào “tờ cam kết” xác nhận tổng số tiền nợ vay là 80.000.000đồng và cam kết mỗi vụ mùa sẽ trả cho ông S 5.000.000đồng, một năm hai vụ sẽ trả cho ông S 10.000.000đồng.

Từ khi cam kết cho đến nay mặc dù ông S đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu ông H phải trả nợ vay nhưng phía ông H không chịu trả và còn thách thức ông S đi thưa. Nên ông S khởi kiện yêu cầu ông H phải trả 80.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 11-4-2011 (âm lịch) đến ngày 11-5-2021 (âm lịch) (nhằm ngày 20-6-2021 dương lịch) là 113 tháng với mức lãi suất là 1,125%/tháng thành tiền là 101.700.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 181.700.000đồng.

- Theo tài liệu, chứng cứ của ông Trương Văn H có trong hồ sơ vụ án: ông H thừa nhận có vay của ông S tổng cộng các lần như sau:

+ Lần thứ nhất: vào năm 2009, ông H vay của ông S 15.000.000đồng.

+ Lần thứ hai: khoảng 20 ngày sau, ông H vay thêm 15.000.000đồng. Như vậy, cộng hai lần vay là 30.000.000đồng, ông H có viết biên nhận nhưng nay đã làm mất.

+ Lần thứ ba: thời gian khoảng vài tháng sau ông H có hỏi vay thêm 30.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kara.

Tổng cộng tất cả ba lần vay là 60.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kara.

Đến khoảng năm 2011, ông H trực tiếp đến nhà của ông S để thỏa thuận kể

từ đây ông S không tính lãi nữa vì trong thời gian ông H vay tiền Ngân hàng (khoảng 01 tuần), ông H đem tiền trả cho ông S đủ. Ông S đồng ý, khi đó ông H cùng với ông S ngồi tính tiền vay lần thứ 1 + 2 + 3 và tiền lãi thì ông H phải trả cho ông S 99.650.000đồng, khoảng 05 ngày sau ông H vay tiền của Ngân hàng về đem đến nhà ông S trả cho ông 100.000.000đồng – 99.650.000đồng, ông S trả lại cho ông H 350.000đồng, hai bên đã tất toán nợ xong nhưng khi đó ông S có nói với ông H là nếu tuyển dân cư thi công, phân diện tích đất của ông H trúng vào quy hoạch và được Nhà nước bồi thường thì ông H có nghĩa vụ trả cho ông S 80.000.000đồng đây là số tiền lãi, các bên thống nhất và ông H có ký vào “tờ cam kết” đề ngày 26-02-2016, hứa mỗi một mùa vụ trả cho ông S 5.000.000đồng, một năm hai vụ sẽ trả cho ông S 10.000.000đồng, đến khi nào Nhà nước bồi thường đất quy hoạch cụm tuyển dân cư thì ông H sẽ trả đủ số tiền còn lại một lần.

Vào khoảng năm 2020, ông Séo có điện thoại cho ông H đòi tiền, nhưng ông H trả lời “*Tôi không thiếu tiền anh*”, ông S nói “*Tôi với anh mít lòng*”. Ông H nói tiếp “*Tôi không thiếu tiền ông, ông thừa tôi nhờ chính quyền giải quyết*”. Ông S không thừa mà thuê gian hồ đến nhà ông H gõ cửa đòi tiền vào lúc 19 giờ ngày 27-5-2020. Nay qua yêu cầu của ông S thì ông H không thống nhất.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về nợ vay gốc còn về tiền lãi thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lãi suất nghĩa vụ chậm trả theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ vay nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị đơn ông Trương Văn H đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hồng là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật: theo các biên nhận nợ vay thì nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng vay vào năm 2011 (âm lịch) trước ngày 01-01-2017 (ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật) do đó áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của ông S về việc yêu cầu ông H trả nợ vay gốc 80.000.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông H thừa nhận có cam kết đúng nội dung và ký tên vào “tờ cam kết” đề ngày 26-02-2016 nhưng cho rằng số tiền 80.000.000đồng là tiền lãi của các lần vay từ năm 2009 đến năm 2011, việc nợ vay này thì sau khi ông H vay nợ của Ngân hàng về đã thanh toán xong cho ông S vào năm 2011. Vụ việc trình bày của ông H thì ông S không thừa nhận mà cho rằng vào năm 2011 (âm lịch) ông H có vay tổng cộng 03 lần với số tiền là 80.000.000đồng, lâu quá không trả nên vào ngày 26-02-2016 ông S có đến đòi thì ông H cam kết xin trả mỗi mùa vụ 5.000.000đồng theo nội dung của “tờ cam kết” đã ghi. Xét thấy, nội dung trong “tờ cam kết” thể hiện số tiền 80.000.000đồng là tiền ông H nợ mượn của ông S không thể hiện đây là số tiền lãi như ông H khai, ông H cũng không có chứng cứ nào chứng minh cho lý lẽ của mình và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã trả nợ vay cho ông S. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định ông H trình bày đều không có chứng cứ chứng minh, căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

*“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”.* Cho nên, xét yêu cầu của ông S về việc buộc ông H

trả 80.000.000đồng nợ vay gốc là phù hợp theo quy định tại các điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Xét yêu cầu của ông S về việc yêu cầu ông H trả tiền lãi 101.700.000đồng (80.000.000đồng x 113 tháng x 1,125%/tháng), Hội đồng xét xử nhận thấy: tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận vào năm 2011 (âm lịch) ông H có hỏi vay của ông S tổng cộng 80.000.000đồng theo các biên nhận nợ đề ngày 14-4-2011 (âm lịch) và ngày 19-4-2011 (âm lịch), ông H đóng lãi đầy đủ đến cuối năm 2011 với lãi suất 6%/tháng đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất. Từ năm 2012 cho đến 2016 thì ông H không đóng lãi nữa nên ông S có đến đòi thì ông H có ký tên vào “tờ cam kết” đề ngày 26-02-2016 hứa mỗi mùa vụ ông H trả 5.000.000đồng cho ông S, một năm hai vụ sẽ trả 10.000.000đồng, đến khi nào Nhà nước bồi thường đất quy hoạch cụm tuyến dân cư thì ông H sẽ trả đủ số tiền còn lại một lần, cam kết của ông H thì ông S thống nhất. Như vậy, xét thấy vụ việc nợ vay giữa ông S và ông H chuyển thành nợ vay có thời hạn và không có lãi vì theo nội dung của tờ cam kết thì không có thỏa thuận tiền lãi hoặc mức lãi suất, đây là sự tự nguyện của ông H và được ông S chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005: *“Thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn*

*1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.*

*...”.*

Tại Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005: *“Trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự*

*1. ...*

*2. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”*

Do đó, ông S yêu cầu ông H trả tiền lãi vay là không phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tuy nhiên, ông H cam kết trả nợ vay mỗi mùa vụ 5.000.000đồng, một năm 02 vụ là 10.000.000đồng (tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của nguyên đơn thống nhất một năm 02 vụ cụ thể: vụ

thứ nhất tính từ ngày 01 tháng 6, vụ thứ hai tính từ ngày 01 tháng 12 hàng năm) nhưng ông H không thực hiện nên buộc ông H có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định pháp luật tương ứng với thời gian chậm trả tổng cộng là 12.375.000đồng, cụ thể được tính như sau:

- 5.000.000đồng vốn vay gốc x 0,75%/tháng x 60 tháng (tính từ ngày 01-6-2016 đến ngày 01-6-2021) = 2.250.000đồng.

- 5.000.000đồng vốn vay gốc x 0,75%/tháng x 54 tháng (tính từ ngày 01-12-2016 đến ngày 01-6-2021) = 2.025.000đồng.

- 5.000.000đồng vốn vay gốc x 0,75%/tháng x 48 tháng (tính từ ngày 01-6-2017 đến ngày 01-6-2021) = 1.800.000đồng.

- 5.000.000đồng vốn vay gốc x 0,75%/tháng x 42 tháng (tính từ ngày 01-12-2017 đến ngày 01-6-2021) = 1.575.000đồng.

- 5.000.000đồng vốn vay gốc x 0,75%/tháng x 36 tháng (tính từ ngày 01-6-2018 đến ngày 01-6-2021) = 1.350.000đồng.

- 5.000.000đồng vốn vay gốc x 0,75%/tháng x 30 tháng (tính từ ngày 01-12-2018 đến ngày 01-6-2021) = 1.125.000đồng.

- 5.000.000đồng vốn vay gốc x 0,75%/tháng x 24 tháng (tính từ ngày 01-6-2019 đến ngày 01-6-2021) = 900.000đồng.

- 5.000.000đồng vốn vay gốc x 0,75%/tháng x 18 tháng (tính từ ngày 01-12-2019 đến ngày 01-6-2021) = 675.000đồng.

- 5.000.000đồng vốn vay gốc x 0,75%/tháng x 12 tháng (tính từ ngày 01-6-2020 đến ngày 01-6-2021) = 450.000đồng.

- 5.000.000đồng vốn vay gốc x 0,75%/tháng x 06 tháng (tính từ ngày 01-12-2020 đến ngày 01-6-2021) = 225.000đồng.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2, 4 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí:

- Buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do chấp nhận yêu cầu của ông S.

- Buộc ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do không chấp nhận một phần yêu cầu về tiền lãi, nhưng ông S thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 227, 244, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2, 4 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] - Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Bùi Văn Séo.

Buộc ông Trương Văn H có trách nhiệm trả nợ vay gốc 80.000.000đồng và lãi 12.375.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 92.375.000đồng (chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho ông Bùi Văn S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Bùi Văn S về việc yêu cầu ông Trương Văn H trả tiền lãi 89.325.000đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trương Văn H phải nộp 4.618.000đồng (lấy tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Bùi Văn S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông S được miễn nộp nên không xem xét.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-6-2021). Riêng bị đơn có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Cư**